TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long

2. Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP X. Địa chỉ: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà M, số 229 T, phường N, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Nguyễn Quang Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Đình Tr, chức vụ: Chuyên viên tư vấn tài chính khách hàng cá nhân. Địa chỉ: Số 170-172 đường Ng, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh L (theo văn bản ủy quyền số 102/2021/UQ-GĐCN ngày 29/10/2021, có mặt)

- *Bị đơn*:

1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 115/2 ấp Ph, xã Th, huyện C, tỉnh L (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 73/1 ấp Ph, xã Th, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Đình Tr trình bày:

Ngày 11/12/2019, Ngân hàng TMCP X chi nhánh L, phòng giao dịch B (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số 521.1164/2019/HĐTDCN/PGBLA ký ngày 11/12/2019, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thanh long; lãi suất vay trong hạn 12,1%/năm, lãi suất cho vay cố định suốt thời hạn cho vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Đ và bà H đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp số 521.1164/2019/BĐ, ngày 11/12/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.301,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã Th do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng; còn nợ tiền vốn vay 320.000.000 đồng và tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ ông Đ và bà H để đòi nợ nhưng đến nay ông Đ và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H phải liên đới trả tiền vốn vay 320.000.000 đồng; lãi trong hạn 73.602.648 đồng; lãi quá hạn 25.058.223 đồng tính đến ngày 30/12/2021, tổng cộng là 418.660.872 đồng.

Ông Đ và bà H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Đ và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.301,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã Th do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP X. Ngày 11/12/2019 ông và bà Nguyễn Thị Thu H có vay của Ngân hàng TMCP X chi nhánh L, phòng giao dịch B số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thanh long. Do kinh tế khó khăn nên đến kỳ hạn thanh toán, ông và bà H chưa có tiền trả cho Ngân hàng.

Để đảm bảo số tiền vay, ông có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.301,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã Th do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngân hàng yêu cầu ông và bà H phải trả nợ số tiền tổng cộng là 418.660.872 đồng vốn vay và tiền lãi, tính đến ngày 30/12/2021 thì ông đồng ý, nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông không có khả năng trả nợ, khi vay ông có thế chấp quyền sử dụng đất nên ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Thu H là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn vay 320.000.000 đồng; lãi trong hạn 73.602.648 đồng; lãi quá hạn 25.058.223 đồng tính đến ngày 30/12/2021, tổng cộng là 418.660.872 đồng, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong. Đối với tài sản thế chấp, các bên đã ký kết, công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nên có hiệu lực thi hành. Do đó, sẽ được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP X có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 11/12/2019, Ngân hàng TMCP X chi nhánh L, phòng giao dịch B có cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng; thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ (ngày 11/12/2020), trả nợ lãi theo từng kỳ vào ngày 05 hàng tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thanh long. Để đảm bảo cho nợ vay, ông Đ và bà H đã ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp số 521.1164/2019/BĐ, ngày 11/12/2019, được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/12/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.301,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã Th do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Quá trình thực hiện hợp đồng vay, do ông Đ và bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo từng kỳ cho Ngân hàng nên Ngân hàng căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng yêu cầu ông Đ và bà H phải thanh toán tiền vốn vay 320.000.000 đồng và tiền lãi để thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ nên chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Mặc dù, ngày 06/01/2020 ông Đ, bà H có quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 06/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Nhưng vào ngày 11/12/2019 bà H đã cùng ông Đ ký hợp đồng tín dụng số 521.1164/2019/HĐTDCN/PGBLA với ngân hàng để vay số tiền 320.000.000 đồng nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ và bà H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Đ và bà H liên đới trả cho Ngân hàng 418.660.872 đồng tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2021; trong đó: Nợ vốn vay 320.000.000 đồng; lãi trong hạn 73.602.648 đồng; lãi quá hạn 25.058.223 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp số 521.1164/2019/BĐ, ngày 11/12/2019, được ký kết giữa Ngân hàng với ông Đ, bà H; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.301,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã Th do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Tr, số công chứng 3055, quyển số 2TP/CC/HĐGD ngày 11/12/2019 và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành chứng nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất ngày

11/12/2019. Hợp đồng này các bên ký kết, có công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nên có hiệu lực thi hành. Do đó, sẽ được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đ và bà H phải liên đới chịu 2.000.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đ và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (20.000.000 đồng + 4% của phần vượt 400.000.000 đồng = 20.746.434 đồng). Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP X đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 418.660.872 đồng; Trong đó: tiền vốn vay là 320.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.602.648 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.058.223 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đông và bà Hà còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đối với tài sản thế chấp: Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 521.1164/2019/BĐ ngày 11/12/2019, được ký kết giữa Ngân hàng với ông Đ, bà H đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.301,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã Th do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được công chứng tại Văn phòng công chứng Tr, số công chứng 3055, quyển số 2TP/CC/HĐGD ngày 11/12/2019 và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành chứng nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2019, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Đ, bà H.

Trường hợp ông Đ và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Ông Đ và bà H có trách nhiệm liên đới chịu 2.000.000 đồng. Ngân hàng đã tạm nộp nên ông Đ bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Ông Đ và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.746.434 (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.315.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000780 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy